

Biểu tượng "Nữ Phật" từ Nepal đến Ladakh

ISSN: 2734-9195 10:10 20/10/2025

Nghiên cứu này đã chỉ ra mối liên hệ giữa nghệ thuật Phật giáo ở thung lũng Kathmandu (Nepal) với tu viện Alchi ở Ladakh (Ấn Độ). Đồng thời, cũng làm sáng tỏ sự tồn tại của một bộ tượng gỗ cổ tạc hình nữ Phật tại Ukubahah.

Trong lịch sử nghệ thuật Phật giáo, đặc biệt là truyền thống Đại thừa và Kim Cương thừa, sự xuất hiện của các hiện thân nữ giới (tôn tượng Phật mẫu, Phật bà) phản ánh những tầng ý nghĩa đa dạng về triết lý, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo. Ở Nepal, nhiều phát hiện khảo cổ và nghệ thuật cho thấy sự hiện diện song song của các hình tượng nam - nữ, đặc biệt liên quan đến Ngũ Phật Như Lai (Vairocana, Akṣobhya, Ratnasambhava, Amitābha, Amoghasiddhi).

Nhóm tượng gỗ Ukubahah được khảo cứu đã đặt ra câu hỏi: *liệu chúng chỉ là các tượng nữ thần bình thường, hay chính là hiện thân của Ngũ Phật trong hình tượng nữ giới?*

Từ khóa: Nghệ thuật Phật giáo, di sản Phật giáo, lịch sử Phật giáo, ngũ Phật, năm vị Phật trí tuệ, nữ tính thiêng liêng, Phật giáo Mật Tông, Tara, Phật giáo Tây Tạng

Trong Phật giáo, giác ngộ là con đường mở ra cho tất cả, không phân biệt giới tính. Đặc biệt, trong hệ thống giáo lý Tantra, một khía cạnh độc đáo xuất hiện: Sự hiện diện của năm vị nữ Phật siêu việt, biểu trưng cho phương diện trí tuệ của Ngũ Trí Như Lai.

Ở một số cách diễn giải, họ còn được xem chính là Ngũ Trí Như Lai trong hình tượng nữ giới.

Tại Ukubahah, ngôi già lam cổ kính ở thành phố Patan (Nepal), một nhóm tượng nữ Phật độc đáo được tìm thấy. Ở đây, chúng tôi tập trung nghiên cứu các tác phẩm điêu khắc ít được chú ý này, đồng thời chỉ ra những nét tương đồng giữa tượng gỗ Ukubahah thế kỷ IX và bích họa thế kỷ XI-XIII tại tu viện Alchi, Ladakh.

Trong số năm vị Tara, có đến ba hình tượng tương đồng với những bức họa ở Sumtsek (một trong những ngôi chùa chính bên trong tu viện Alchi, Ladakh, Ấn

Độ).

Nghiên cứu này chủ yếu đối chiếu giữa hình tượng nữ Phật ở Ukubahah (Nepal) và ở Sumtsek (Ladakh).

Hình tượng Tara trong nghệ thuật Phật giáo

Trong truyền thống Phật giáo Đại thừa và Kim cương thừa, Tara giữ một vị trí quan trọng. Bà xuất hiện với nhiều vai trò: là một vị Bồ tát nữ, một vị Phật nữ, thậm chí còn được tôn xưng là “Mẹ của chư Phật” (Beyer, 1973). Các hình tượng Tara lan tỏa khắp Nam Á, Tây Tạng, Trung Hoa và các vùng phụ cận, được thể hiện dưới nhiều chất liệu như đá, đất sét, kim loại, bích họa hay tranh tiểu họa, có niên đại ít nhất từ thế kỷ VI và liên tục phát triển (Beyer, 1973, tr. 87).



Hình 1. Vairochana (nữ) hoặc Locana từ Ukubahah. Ảnh do tác giả cung cấp.

Trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng ta cùng tập trung nhận diện một nhóm tượng gỗ được phát hiện tại thung lũng Kathmandu, được xác định là Tara - vị nữ Phật. Các pho tượng này có niên đại từ thế kỷ VII-IX, cùng thời với các thanh chống chạm khắc hình Śālabhañjikā ở kiến trúc liền kề (Slusser & Jett, 2010). Quan sát kỹ, có thể thấy hình tượng nữ Phật tại Ukubahah mang nhiều đặc điểm tương đồng với tượng Phật nam: từ ấn thủ, ấn túc cho đến phong thái, chỉ khác biệt ở chi tiết thân thể nữ giới như bầu ngực, eo nở và kiểu tóc.

Do chưa tìm thấy nguồn kinh văn gốc bằng Sanskrit hay Tạng ngữ, tác giả đã áp dụng phương pháp so sánh hình tượng nghệ thuật để đưa ra luận giải.

Ngũ Nữ Phật - đối ứng với Ngũ Trí Như Lai

Tara được xem là hình tướng nữ của Ngũ Trí Như Lai. Trong Kim cương thừa, từ Mật điển Guhyasamāja (thế kỷ VIII, Okuyama 1982), đã xuất hiện khái niệm về Ngũ Phật gia tộc (Five Buddha Families). Tại đây, năm vị nữ Phật được nêu danh:

+ Dveṣarati hay Mamaki (Mamaki - “Người thuộc về Ta”, biểu trưng cho trí tuệ bình đẳng, phối ngẫu của Ratnasambhava).

+ Locanā hay Moharati (Locanā - “Người có đôi mắt sáng”, biểu trưng cho đại viên cảnh trí, phối ngẫu của Akṣobhya).

+ Rāgarati hay Paṇḍarā (Paṇḍarā - “Người có sắc trắng tinh khiết”, biểu trưng cho diệu quán sát trí, phối ngẫu của Amitābha).

+ Vajrarati hay Vajradhāteśvarī (Vajradhāteśvarī - “Nữ chúa Cảnh giới Kim cương”, biểu trưng cho pháp giới thể tính trí, phối ngẫu của Vairocana).

+ Īrṣyarati hay Samaya Tara (Samaya Tara - “Tara Thệ nguyện”, phối ngẫu của Amoghasiddhi, biểu trưng cho thành sở tác trí).

Trong truyền thống, ngoài Samaya Tara, bốn vị Tara còn lại hiếm khi được thờ chính. Locanā, Mamaki, Paṇḍarā và Vajradhāteśvarī ít được chú ý bởi thiếu tính cách và công năng riêng. Họ thường chỉ hiện diện như hình ảnh phản chiếu của chư Như Lai. Không có nghi quỹ (Sādhana) hay Mandala đặc thù dành cho bốn vị này. Trong các tập hợp văn bản như Sādhanamālā hay Niṣpannayogāvalī, họ chủ yếu xuất hiện ở vai trò thứ yếu: hoặc trong tư thế song hành với Như Lai, hoặc được đặt ở bốn phương trung gian của Mandala (Ghosh 1980).

Ngay cả trong những bản văn tập hợp này, tư liệu về Ngũ Tara cũng khá hiếm hoi. Các Mandala trong Niṣpannayogāvalī có nhắc đến Ngũ Tara gồm: Pindikramoktakṣobhyamaṇḍala, Ṣaṭcakravartimaṇḍala, Kālacakramaṇḍala, Tricatvāriṃśadātmaka, Mañjuvajramaṇḍala. Tuy nhiên, không một mô tả nào trong số đó trùng khớp với hình tượng Tara tại Ukubahah.

Nữ Phật trong kiến trúc Dhalinkava của Ukubahah

Ukubahah, tên đầy đủ là Śivadeva Saṃskārīta Oṃkuli Rudravarṇa Mahāvihāra, là một tu viện Phật giáo theo phong cách Newar (Nevah) nổi bật ở Lalitpur, Nepal. Đây là một trong những ngôi chùa cổ kính nhất còn bảo tồn khá nguyên vẹn kiến trúc Bahah (tu viện dạng sân trong đặc trưng của người Newar) cùng nhiều tác phẩm nghệ thuật, có niên đại từ thế kỷ VI (Ghosh, 1980). Ukubahah từng được trùng tu vào thế kỷ XI dưới triều vua Rudradeva. Nhà sử học kiến trúc Niels Gutschow ghi nhận rằng, các biên niên sử sau này đều xác nhận mốc thời gian ấy, tuy nhiên không còn văn bản nào trước thế kỷ XII được lưu lại (Gutschow, 2011).



Hình 8. Amitabha (nữ) từ Sumtsek. Ảnh do tác giả cung cấp.

Theo Gutschow, kết quả định tuổi carbon phóng xạ cho thấy một số thanh chống mái và cửa sổ trang trí tại đây có niên đại từ thế kỷ IX. Kiến trúc hệ mái

được thiết kế quay vào sân chính, được chống đỡ bằng những đầu xà gỗ chạm hình Sālabhañjikā (nữ thần đứng dưới cây, tay nâng cành), không tô màu. Học giả Dowman (2020) đánh giá đây là *“những tác phẩm xuất sắc nhất của thung lũng”* và nhận xét *“sức cuốn hút của chúng mạnh mẽ như bất kỳ hình tượng nữ giới nào trong nghệ thuật Nepal Mandala”*. Từ đó, có thể xem đây là một trong những chi tiết kiến trúc gỗ cổ nhất còn tồn tại nguyên bản trong Thung lũng Kathmandu.

Trên các xà ngang của tường bao quanh Ukubahah hướng vào sân trong, có hàng trăm chạm khắc nhỏ. Đặc biệt, các phù điêu gỗ dạng Dhalinkava chạy dọc bốn phía của tu viện. Trong đó có hình tượng tôn giáo, cảnh từ các truyện tiền thân Phật (Jātaka), cùng nhiều mô-típ thực vật. Từ “Dhalin” nghĩa là xà ngang, “Kava” nghĩa là khoảng trống, nên “Dhalinkava” chỉ khoảng không gian được lấp đầy bằng xà gỗ giả có chạm khắc gương mặt hoặc hình họa. Trong kiến trúc truyền thống Kathmandu, Dhalinkava là phần quan trọng tạo nên gờ mái, phân chia tầng lầu của các ngôi đền và dinh thự giàu có cùng thời.

Học giả Shukra Sagar (2017) cho biết: *“Tu viện Ukubahah hiện còn lưu giữ số lượng nhiều nhất các mẫu Dhalinkava trong tình trạng nguyên bản. Có hơn 400 mẫu hoa văn cùng một số chi tiết chế tác mô tả truyện Jātaka được khắc họa trên đó”*.

Mặc dù Shukra Sagar và Mary Slusser đều đã ghi nhận, nhưng nội dung này vẫn cần nghiên cứu sâu hơn. Khi khảo sát chi tiết, các nhà nghiên cứu đã phát hiện trên bức tường phía Đông có chạm khắc Ngũ Phật (Pañcabuddha). Trình tự xuất hiện từ góc Đông Nam gồm: Ratnasambhava, Akṣobhya, Amitābha, Amoghasiddhi và Vairocana. Song song đó, trên tường phía Nam của tu viện là hình tượng năm nữ thần, mỗi tượng cao khoảng 12 cm.

Đặc điểm tạo hình của Ngũ Nữ Phật

Các vị nữ Phật hay Tara ở Ukubahah đều ngồi trên tòa sen, trang sức vương miện, hoa tai, vòng cổ, vòng tay và thắt lưng ngọc. Vương miện của họ có thiết kế đơn giản. Trên cổ đeo vòng ngắn, trên cổ tay có vòng tay, eo thắt đai ngọc. Kiểu tóc được búi thành từng lọn ngang. Nửa thân trên để trần, còn y phục phần dưới chỉ còn thấy lờ mờ đường cong và vết tích trên vài tượng như hình số 5 và Samaya Tārā (Tara Thệ nguyện, hình số 9). Phía sau mỗi tượng đều có quang sáng. Toàn bộ đường nét tinh tế ấy cho thấy tay nghề tài hoa của nghệ nhân Newar.

Ý nghĩa biểu tượng: Bàn về sự hiện diện của hình tượng Tara trong nghệ thuật, Gleen H. Mullen và Jeff J. Watt (2003) trong tác phẩm *Female Buddha: Women of Enlightenment in Tibetan Mystical Art* (Nữ Phật: Những người nữ giác ngộ trong nghệ thuật huyền học Tây Tạng) viết: *“Khả năng giác ngộ của nữ giới được thể hiện rõ trong nghệ thuật Phật giáo Tây Tạng qua số lượng lớn hình tượng nữ Phật ở các chùa viện và am thất. Các hình tượng này xuất hiện với năm sắc tộc chủ đạo, hàm ý rằng phụ nữ ở mọi chủng tộc đều có tiềm năng giác ngộ bình đẳng”*.

Quan điểm này cũng hoàn toàn phù hợp với trường hợp Ukubahah, dù ở ngoài bối cảnh Tây Tạng.

Các Nữ Phật trong chùa Sumtsek (Alchi)

Cho đến tận thập niên 1980, quần thể tự viện Alchi, tọa lạc trong một thung lũng tuyệt đẹp của vùng Ladakh, gần như vẫn ẩn mình trước giới nghiên cứu. Kỳ diệu thay, nơi đây vẫn còn lưu giữ được những bích họa Phật giáo với vẻ đẹp rực rỡ, vô song. Các bích họa nổi tiếng tại Alchi không chỉ có ý nghĩa lớn đối với lịch sử văn hóa Tây Tạng, vốn chiếm ưu thế trong khu vực, mà còn vô cùng quan trọng đối với lịch sử nghệ thuật Kashmiri (Pal & Fournier 1983). Toàn bộ ngôi chùa được trang hoàng bằng những bích họa tuyệt mỹ do các nghệ nhân vô danh người Kashmir và Tây Tạng sáng tác trong khoảng thế kỷ XI-XIII.

Ngôi chùa ba tầng Sumtsek lưu giữ những bích họa có niên đại vào thế kỷ XII hoặc đầu thế kỷ XIII, được thể hiện theo phong cách nghệ thuật Kashmir. Phong cách này gắn kết với các truyền thống Phật giáo ở Tây Bắc Ấn Độ và Kashmir, những vùng đất có liên hệ lịch sử với sự hình thành sớm của Phật giáo Mật tông (Leidy et al. 2006). Tại tầng hai và tầng ba của Sumtsek có năm Mandala khác nhau:

- + Mandala của Ngũ Phật trong hình tướng nam.
- + Mandala của Văn Thù Sư Lợi Pháp Giới (Mañjuśrī Dharmadhātumaṇḍala).
- + Mandala của Thích Ca Mâu Ni trong hình tướng Đại Nhật Như Lai (Śākyamuni as Vairocana).
- + Mandala của Bát Nhã Ba La Mật trong hình tướng Đại Nhật Như Lai Toàn Tri (Prajñāpāramitā as Vairocana Sarvavid).
- + Mandala của Ngũ Phật trong hình tướng nữ (Hình 11). (Snellgrove & Skorupski 1977)

Trong bài khảo cứu, chúng tôi tập trung phân tích Mandala thứ năm, nằm trên bức tường phía Tây Bắc. Cũng như các Mandala khác trên tầng này, Mandala của Ngũ Phật trong hình tượng nữ được cấu tạo theo dạng chín ô vuông. Cấu trúc này cũng xuất hiện trong Mandala của Bát Đại Bồ Tát thuộc Mật giáo Kim Cang Giới (Vajradhātu, truyền thống Nhật Bản). Trong Mandala Ngũ Phật hình tượng nữ, trung tâm và bốn hướng chính của nội vi hình vuông đều có sự hiện diện của năm vị nữ thần, biểu tượng hoàn toàn tương ứng với hình thái nam của các Ngài.

Các vị nữ thần ở bốn phương chính bao gồm:

- + Māmaki (Ma-ma-ki, “Thị hiện bản tính của trí tuệ bình đẳng”).
- + Pāṇḍarā (Bạch Độ-mẫu, “Hiện thân của trí tuệ diệu quán sát”).
- + Samayatārā (Tam-ma-da-đa-la, “Đại Từ Tara của giới nguyện”).

Vòng ngoài của Mandala có tám vị nữ thần cúng dường cùng mười sáu vị Bồ tát. Bố cục này hoàn toàn tương đồng với Mandala của Ngũ Phật hình tượng nam trên bức tường phía Tây Nam. Ngoài ra, các bích họa Mandala trong chùa Sumtsek còn có thể được đối chiếu, so sánh với nhiều nguồn tư liệu khác.

So sánh các hình tượng Nữ Phật giữa Ukubahah và chùa Sumtsek (Alchi)



Hình 1 - Ukubahah: Tôn tượng được thể hiện trong tư thế Vajraparyāṅka (kiết già kim cang). Ngài ngồi trên đài sen năm cánh. Tay phải nâng Dharmacakra (ấn Chuyển pháp luân), tay trái đặt trước ngực trong Tarjanī Mudrā (ấn chỉ thuyết, dùng ngón trỏ duỗi thẳng). Khác với các tượng khác trong cùng bộ, hào quang (nimbus) chỉ bao quanh phần đầu, không trọn cả thân. Phong nền chạm hoa bốn cánh ở bên phải và dây hoa leo ở bên trái. Một hình tượng tương tự tìm thấy ở chùa Sumtsek được học giả Pratapaditya Pal (1983) xác định là Locanā (Lộc-xoa-na, “Đức Nhãn” - hiện thân trí tuệ soi chiếu).



Hình 2 - Sumtsek: Trong mandala Ngũ Phật hình tượng nữ, bố cục chín ô vuông, có một nữ thần màu trắng ngồi ở góc đông nam. Tư thế kiết già kim cang (Vajraparyāṅka), tay phải nâng ấn Chuyển pháp luân (Dharmacakra), tay trái đặt trên đùi, lòng bàn tay hướng lên. Phần trên mặc y phục đỏ tay lửng. Pal xác nhận đây là Locanā.



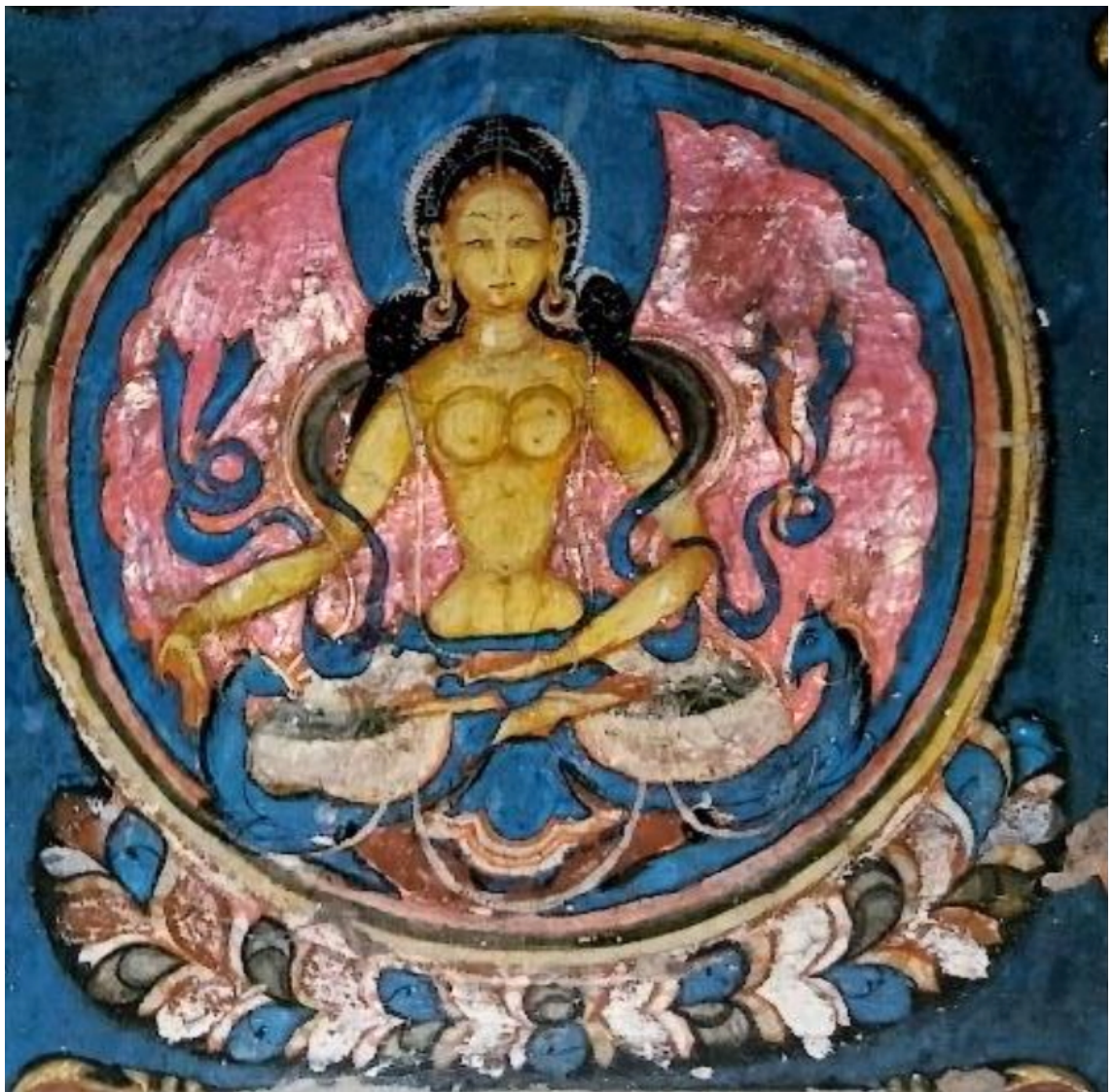
Hình 3 - Ukubahah: Nữ thần ngồi trong tư thế kiết già kim cang, trên đài sen năm cánh. Tay phải làm Bhūmisparśa Mudrā (ấn Xúc địa, “chứng minh”), tay trái đặt bên hông, cầm chắc Vajra (chày kim cang), hướng thẳng ra phía trước. Hào quang gần tròn, khắc họa hoa văn lặp lại, không có lớp chấm tròn như ở Hình 5, 6, 8.



Hình 4 - Sumtsek: Đây là hình tượng nữ của Akṣobhya (A-súc-bệ, “Bất Động Như Lai”). Tôn tượng ngồi trên hoa sen nhiều màu, được nâng đỡ bởi hai con voi (Vāhana). Tay phải làm ấn Xúc địa (Bhūmisparśa Mudrā), tay trái đặt trên đùi trong ấn thiền định (Samādhi Mudrā).



Hình 5 - Ukubahah: Nữ thần ngồi kiết già kim cương trên đài sen năm cánh. Tay phải đưa xuống gối phải trong Varada Mudrā (ấn Thí nguyện), tay trái an định trên đùi trong Dhyāna Mudrā (ấn Thiền), đồng thời nâng Piṇḍapātra (bát khất thực). Hào quang hai tầng: vòng ngoài trang trí họa tiết, vòng trong khắc các chấm tròn.



Hình 6 - Sumtsek: Đây là hình tượng nữ của Ratnasambhava (Bảo Sinh Như Lai). Ngồi trên hoa sen, có hai con ngựa nâng đỡ. Tay phải trong ấn Thí nguyện (Varada), tay trái trong ấn Thiền (Dhyāna). Tuy nhiên, khác với Ukubahah, trong bức họa này không có bát Piṇḍapātra.



Hình 7 - Ukubahah: Nữ thần ngồi kiết già kim cương trên đài sen bảy cánh, hào quang hình bầu dục hai lớp: ngoài trang trí họa tiết, trong là vòng chấm tròn. Hai tay trong ấn Thiền (Samādhi Mudrā), không cầm bát khất thực.



Hình 8 - Sumtsek: Đây là hình tượng nữ của Amitābha (Vô Lượng Quang Như Lai). Tượng đỏ, ngồi kiết già kim cang trên hoa sen được nâng đỡ bởi hai con công (Vāhana). Hai tay trong ấn Thiền (Samādhi Mudrā), không có bát Piṇḍapātra. Xét tổng thể, đây là hình thái gần giống nhất với Hình 7 ở Ukubahah.



Hình 9 - Ukubahah: Nữ thần ngồi trên đài sen bảy cánh, hào quang hai lớp (ngoài họa tiết, trong chấm tròn). Tay phải làm Abhaya Mudrā (ấn Vô úy, che chở), tay trái trong Tarjanī Mudrā (ấn chỉ thuyết, ngón trỏ duỗi thẳng, các ngón còn lại co).



Hình 10 - Sumtsek: Đây là hình tượng nữ của Amoghasiddhi (Bất Không Thành Tựu Như Lai). Hình thức hoàn toàn giống bản nam: ngồi kiết già kim cương, tay phải trong ấn Vô úy (Abhaya Mudrā), nhưng thân thể mang đặc trưng nữ giới.

Kết quả nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu các tượng gỗ nhỏ, có thể thấy rõ các vị nữ thần trong Dhalinkava (điện thờ nhỏ hoặc khám thờ Phật, truyền thống Newar ở Nepal) chính là hình thái nữ của Ngũ Phật Lớn, còn được gọi là Taras (Đa La - Bồ Tát nữ).

+ Hình 5 mô tả một nữ Ratnasambhava, tay cầm Piṇḍapātra (bình bát khát thực, biểu tượng đặc trưng của vị Phật), từ đó củng cố thêm việc nhận diện đây là một vị Phật. Điều này được chứng thực khi so sánh với hình tượng Ratnasambhava trong Mandala của Sumtsek (Hình 6).

+ Trường hợp Hình 7 ban đầu gây tranh cãi: liệu đây là một vị nữ Phật hay chỉ đơn thuần là một Yogini (nữ hành giả tu thiền). Tuy nhiên, khi đối chiếu với hình tượng Amitabha (Hình 8) trong Mandala Ngũ Phật ở hình thái nữ, có thể khẳng định đây chính là một nữ Amitabha (là nhân vật chính trong hai bộ kinh Phật giáo Đại thừa có ảnh hưởng lớn của Ấn Độ: Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Amitābha), chứ không phải hành giả bình thường.

Đối với Hình 3, đây là nữ Akshobhya, được nhận diện nhờ cầm Vajra (chày kim cương, biểu tượng đặc trưng của Phật Bất Động) trên một tay, trong khi tay kia thực hiện Bhūmisparśa Mudra (ấn xúc địa, chạm tay xuống đất, ấn đặc trưng của Akshobhya). (Bhattacharya 2008)

Locana, hay nữ Vairocana, có thể được nhận ra qua biểu tượng trong tay là Dharmachakra (bánh xe pháp, biểu tượng của gia đình Vairocana). Giống như Vajra gắn liền với Akshobhya, thì Dharmachakra gắn với Vairocana trong Pancakula (Ngũ bộ Phật, hay năm gia đình Phật). Hình 1, được xác nhận chính là Locana, hay nữ Vairocana, nhờ so sánh với mandala ở Alchi.

Trường hợp Hình 9 khá đặc biệt: ngoài chi tiết bàn tay thể hiện Abhaya Mudra (ấn vô úy - biểu tượng che chở, xua tan sợ hãi) giống với Amoghasiddhi, thì hầu như không còn cơ sở nào khác. Tuy nhiên, việc thiếu vắng một hình tượng nữ Amoghasiddhi trong toàn bộ tập hợp năm vị lại khiến cho giả thuyết Hình 9 chính là nữ Amoghasiddhi trở nên hợp lý.



Hình 11. Mandala của Ngũ Trí Như Lai, thể hiện dưới hình tượng nữ, từ Sumtsek. Ảnh do tác giả cung cấp.

Một điểm đáng lưu ý: ngoại trừ nữ Vairocana, tất cả các vị nữ thần khác đều thể hiện các thủ ấn (Mudra) giống hệt với hình thái nam của mình ở tay phải, gồm: Abhaya Mudra (vô úy), Bhumisparsa Mudra (xúc địa), Varada Mudra (thí nguyện - ban phúc) và Dhyana Mudra (ấn thiền định). Trong số này, thủ ấn của nữ Amitabha và nữ Ratnasambhava hoàn toàn giống với bản gốc nam.

Tuy nhiên, nghiên cứu sâu hơn cho thấy nữ Vairocana và nữ Amoghasiddhi lại thể hiện Tarjani Mudra (ấn cảnh tỉnh, dùng ngón tay chỉ ra để xua trừ điều bất thiện) ở bàn tay trái. Đây có thể là ảnh hưởng từ chương 19 của tác phẩm Nishpannayogavali (một văn bản Mật điển quan trọng mô tả chi tiết các Mandala). Vấn đề tại sao hai hình tượng nữ này lại dùng Tarjani Mudra bằng tay trái cần được tiếp tục nghiên cứu thêm.

Dẫu vậy, trong năm tượng từ Ukubahah (một di tích Phật giáo ở Kathmandu), chỉ có ba tượng mang nét tương đồng rõ rệt với các hình tượng ở Alchi (một quần thể chùa cổ vùng Ladakh, Ấn Độ).

Kết luận

Các tượng gỗ nhỏ tạc hình nữ thần trong dhalinkava (điện thờ nhỏ thuộc truyền thống Newar, Nepal) thực chất chính là Ngũ Phật ở hình thái nữ, còn gọi là Taras (Đa La - Bồ Tát nữ).

Nghiên cứu này đã chỉ ra mối liên hệ giữa nghệ thuật Phật giáo ở thung lũng Kathmandu (Nepal) với tu viện Alchi ở Ladakh (Ấn Độ). Đồng thời, cũng làm sáng tỏ sự tồn tại của một bộ tượng gỗ cổ tạc hình nữ Phật tại Ukubahah. Những phát hiện này đặt ra hướng nghiên cứu tiếp theo về các tượng nữ Phật và mối quan hệ của chúng với nghệ thuật, biểu tượng học Phật giáo ở các khu vực khác trên thế giới, nhằm hiểu sâu hơn vai trò của nữ thần trong truyền thống Phật giáo.

Mối liên hệ trực tiếp giữa các tượng ở Ukubahah với nguyên mẫu tại Alchi còn phản ánh sự giao thoa văn hóa, tâm linh và tri thức giữa hai khu vực cách xa về địa lý nhưng cùng nằm trên trục phát triển của Mật tông Phật giáo. Tuy nhiên, nhiều hình tượng cổ tương tự vẫn còn chưa được nghiên cứu thấu đáo, và đang đứng trước nguy cơ mai một bản sắc. Vì vậy, việc tiếp tục khảo cứu và bảo tồn là điều cấp thiết.

Tác giả: **Birat Raj Bajracharya**

Chuyển ngữ và biên tập: **Nguyễn Quốc Dũng**

Nguồn: Buddhistdoor (<https://www.buddhistdoor.net/features/ancient-connections-tracing-iconographic-links-of-the-sacred-feminine-from-nepal-to-ladakh/>)

Tài liệu tham khảo:

[1] Beyer, S. V. 1973. *The Cult of Tārā: Magic and Ritual in Tibet*. Oakland: University of California Press.

[2] Bhattacharyya, B. 2008. *The Indian Buddhist Iconography*. New Delhi: Aryan Books International.

[3] Dowman, K. 2020. *Nepāl Maṇḍal: A Pilgrim's Guide to the Kathmandu Valley*. Independently published.

[4] Ghosh, M. 1980. *Development of Buddhist Iconography in Eastern India: A study of Tārā, Prajnas of Five Tathagatas and Bhrikuti*. New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers.

[5] Gutschow, N. 2011. *Architecture of the Newars: A History of Building Typologies and Details in Nepal*. Chicagi: Serindia Publications.

- [6] Leidy, D. P., Thurman, and R. A. F Thurman. 2006. *Maṇḍala: The Architecture of Enlightenment*. New York: Overlook Press.
- [7] Mullin, G. H., and J. Watt. 2003. *Female Buddhas: Women of Enlightenment in Tibetan Mystical Art*. Santa Fe: Clear Light Publishers.
- [8] Okuyama, N. 1982. "Notes on the Guhyasamāja-tantra" in the *Journal of Indian and Buddhist Studies*, 30(2), 669–70: <https://doi.org/10.4259/ibk.30.669>
- [9] Pal, P., and L. Fournier. 1983. *ALCHI a marvel of Buddhist art Ladakh* P.PAL - Lionel Fournier.
- [10] Shukrasagar. 2017. *Dhalinkhwa & Dhalinkawa in Nepalese architecture*. Spaces Blog. Retrieved 26 July 2024: <https://spacesnepalblog.wordpress.com/2017/11/16/dhalinkhwa-Dhalinkawa-in-nepalese-architecture/>
- [11] Slusser, M. S., and P. Jett. 2010. *The Antiquity of Nepalese Wood Carving: A Reassessment*. Seattle: University of Washington Press.
- [12] Snellgrove, D. L., and T. Skorupski. 1977. *Cultural History of Ladakh: Central Ladakh*. Aris & Phillips.
- [13] *The Religious Iconography and Stylistic Analysis of the Alchi Group of Monuments*. Sahapedia. Retrieved 25 July 2024: <https://www.sahapedia.org/the-religious-iconography-and-stylistic-analysis-of-the-alchi-group-of-monuments>
- [14] Uku Bahal Monastery, Patan, Nepal. (n.d.). *Asian Historical Architecture*. Retrieved July 29, 2024: <https://www.orientalarchitecture.com/sid/1661/nepal/patan/uku-bahal-monastery>